

Số: 39/QĐ-HL

Đông Gia Nghĩa, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán thu, chi Ngân sách nhà nước năm 2025
Trường MN Hoa Lan

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MN HOA LAN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1321/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của Ủy ban nhân dân Phường Đông Gia Nghĩa về việc bổ sung kinh phí năm 2025;

Theo đề nghị của bộ phận kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai dự toán thu, chi Ngân sách nhà nước năm 2025 của Trường MN Hoa Lan (Có biểu đính kèm theo)

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Kế toán và các bộ phận, cá nhân liên quan thuộc trường MN Hoa Lan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Website
- Như điều 3;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Hà Thị Phương Nga

Đơn vị: Trường Mầm non Hoa Lan

Chương: 822

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm 2025

(Kèm theo Quyết định số 39/QĐ- HL ngày 31/12/2025 của Trường Mầm non Hoa Lan)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đơn vị tính : Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
2	Phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	
1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
2	Phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	68.000.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	68.000.000
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	68.000.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	68.000.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm
1	2	3
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	

Số: 1321 /QĐ-UBND

Đông Gia Nghĩa, ngày 29 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc bổ sung kinh phí năm 2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG ĐÔNG GIA NGHĨA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015 và các văn bản hướng dẫn Luật NSNN;

Căn cứ Quyết định số 2519/QĐ-UBND ngày 18/12/2025 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc thu hồi, bổ sung và giao lại kinh phí có mục tiêu cho các xã, phường thực hiện nhiệm vụ trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Thông báo số 206-TB/ĐU ngày 26/11/2025 của Đảng ủy phường Đông Gia Nghĩa về ý kiến chỉ đạo của Thường trực Đảng ủy tại cuộc họp giao ban ngày 26/11/2025;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đông Gia Nghĩa tại Tờ trình số 374/TTr-KTHT&ĐT ngày 26/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Bổ sung kinh phí nâng bậc lương, thăng hạng chức danh nghề nghiệp cho các cơ quan, đơn vị và các trường học trên địa bàn phường Đông Gia Nghĩa với tổng số tiền là: **929.000.000 đồng** (Bằng chữ: Chín trăm hai mươi chín triệu đồng chẵn), cụ thể như sau: *Chi tiết theo Phụ lục đính kèm.*

* Nguồn kinh phí bố trí: Nguồn ngân sách tỉnh bổ sung theo Quyết định số 2519/QĐ-UBND ngày 18/12/2025 của UBND tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Giao phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường thông báo và lập thủ tục cấp phát kinh phí kịp thời cho đơn vị thụ hưởng. Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích và thanh quyết toán theo quy định tài chính hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND & UBND phường; Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. HĐND phường (b/cáo);
- KBNN khu vực XVI - Phòng giao dịch số 5;
- CT, các PCT UBND phường;
- Lưu: VT, KTHT&ĐT (Ngọc).



CHỦ TỊCH

Thạch Cảnh Tịnh

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số: 1321/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của UBND phường Đồng Gia Nghĩa)

STT	Đơn vị	Số tiền
1	Văn phòng HĐND & UBND phường	26.000.000
2	Văn phòng Đảng ủy phường	23.000.000
3	Trung tâm phục vụ Hành chính công phường	3.000.000
4	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp phường (Trung tâm Cung ứng dịch vụ công cũ)	3.000.000
5	Trường Mầm non Tân Lập Thành	47.000.000
6	Trường Mầm non Hoà Mi	96.000.000
7	Trường Mầm non Hoa Lan	68.000.000
8	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Trần Văn Ôn	128.000.000
	Sự nghiệp tiểu học	86.000.000
	Sự nghiệp THCS	42.000.000
9	Trường Tiểu học Tô Hiệu	45.000.000
10	Trường Tiểu học Nguyễn Viết Xuân	57.000.000
11	Trường Tiểu học Trần Quốc Toản	82.000.000
12	Trường Tiểu học Thăng Long	111.000.000
13	Trường THCS Nguyễn Tất Thành	197.000.000
14	Trường THCS Phan Bội Châu	43.000.000
	Tổng cộng	929.000.000